

Bản án số: 05/2021/KDTM-ST

Ngày 09-7-2021

V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo
hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản bảo đảm
theo hợp đồng thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Trọng Minh;
2. Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chính - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST - KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Thông báo số 70/TB-TA ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc ấn định thời gian mở phiên tòa xét xử giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần DN (sau đây viết tắt là Ngân hàng DN); địa chỉ: Tháp V, số 35 phố A, quận B, thành phố CB.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông C, Giám đốc chi nhánh; ông D, là Phó giám đốc chi nhánh quận E; ông F, Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp 2, Ngân hàng Thương mại Cổ phần DN chi nhánh quận E, thành phố CB; cùng địa chỉ: Số 137A phố G, quận E, thành phố CB và ông H, địa chỉ: Số 8 Ngách 30/19 I, phường J, quận K, thành phố CB (theo Quyết định số 804/QĐ-V ngày 22-8-2019 và Hợp đồng ủy quyền ngày 08-7-2020). Ông H, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần TK (sau đây viết tắt là Công ty TK); địa chỉ đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 142 phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ Văn Phòng đại diện số 1 tại: Số 18 lô 5

Khu 81 đường O, phường P, quận R, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần TK: Ông S, giám đốc Công ty, hộ khẩu thường trú tại: Số 12 tổ T, phường U, quận N, Hải Phòng, tạm trú: Thôn V, xã W, huyện X, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần TK: Ông Y, địa chỉ: Số 133 phố Z, phường AA, quận AB, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 02-6-2021). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

3.1. Bà AC, địa chỉ: số 18 Lô 5 khu 81 đường O, phường P, quận R, Hải Phòng; là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần TK.

Người đại diện theo ủy quyền của bà AC: Ông Y, địa chỉ: Số 133 phố Z, phường AA, quận AB, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 21-4-2020). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà AC: Luật sư AD thuộc Văn phòng Luật sư AE, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, địa chỉ: Số 133 phố Z, phường AA, quận AB, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

3.2. Ông S, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 12 tổ T, phường U, quận N, Hải Phòng; tạm trú: Thôn V, xã W, huyện X, thành phố Hải Phòng; là giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần TK.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Y, địa chỉ: Số 133 phố Z, phường AA, quận AB, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 02-6-2021). Có mặt.

3.3. Ông AF, địa chỉ: Số 39/42/161 đường AG, phường AH, quận AB, thành phố Hải Phòng, là thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần TK. Có mặt.

3.4. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải AI (sau đây viết tắt là Công ty AI), địa chỉ đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 128 AJ, phường AK, quận AL, Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải AI: Bà AC, địa chỉ: số 18 Lô 5 khu 81 đường O, phường P, quận R, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải AI: Ông Y, địa chỉ: Số 133 phố Z, phường AA, quận AB, thành phố Hải Phòng; (theo Giấy ủy quyền ngày 21-4-2020). Có mặt.

3.5. Văn phòng Công chứng AM (tên cũ là Văn phòng Công Chứng AN, sau đây viết tắt là Văn phòng AM); địa chỉ: Số 49 phố AO, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công chứng AM: Ông AM, Trưởng Văn phòng Công chứng; vắng mặt.

3.6. Công ty TNHH Thương mại và Vận tải AP (sau đây viết tắt là Công ty AP), địa chỉ đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 142 đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại và Vận tải AP: Ông AQ, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn 1 AR, xã AS, huyện X, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.7. Ông AT, địa chỉ: Thôn AU, xã AV, huyện AW, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

3.8. Bà AX; địa chỉ: Xã AY, huyện AZ, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

3.9. Ông BA; địa chỉ: Thôn BB, xã BC, huyện BD, Thành phố CB; vắng mặt.

3.10. Ông BE; địa chỉ: Xã BF, huyện AZ, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

3.11. Ông BG; địa chỉ: 18/82 BH, phường BI, quận E, Thành phố CB; vắng mặt.

3.12. Ông BJ; địa chỉ: K1 xã BK, huyện BL, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

3.13. Ông BM; địa chỉ: Số 165 BN, xã N, huyện BO, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

3.14. Ông BP; địa chỉ: Tổ 1, Khu 9, BQ, thành phố BR, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

3.15. Ông BS; địa chỉ: Thôn BT, xã BU, huyện BV, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

3.16. Ông BW, địa chỉ: Số 119 đường BX, phường BY, quận BZ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.17. Ông CA, sinh năm 1974; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 207 đường CB, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 9/243 đường CC, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.18. Anh CD, sinh năm 2000, đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 128 phố AJ, tổ 15 phường AK, quận AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người được Tòa án triệu tập: Chị CE, ông CF, bà CG, bà CH, ông CI, ông F, ông CJ, ông CK, ông CL, ông CM, bà CN. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02-10-2019 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông H trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần DN cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần TK vay theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Tính đến ngày khởi kiện, Công ty TK được vay, thanh toán, nợ như sau: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 150/2009/1017 ngày 31-7-2009, số khế ước nhận nợ: 15082000063333, số tiền cho

vay: 56.000.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân: 56.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân, số tiền gốc đã trả nợ: 56.000.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả: 11.598.196.639 đồng, dư nợ gốc: 0 đồng, dư nợ: 2.594.326.944 đồng. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1228/2009/HĐTD ngày 25-9-2009, số khế ước nhận nợ: 15082000065357, số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân: 15.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân, số tiền gốc đã trả nợ: 8.649.107.383 đồng, số tiền lãi đã trả: 2.074.750.000 đồng, dư nợ gốc: 6.350.892.617 đồng, dư nợ: 5.616.214.816 đồng. Hợp đồng tín dụng trung hạn số 520/2010/HĐTD ngày 25-5-2010, số khế ước nhận nợ: 15082000076146, số tiền cho vay: 18.000.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân: 17.500.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân, số tiền gốc đã trả nợ: 17.500.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả: 1.009.516.667 đồng, dư nợ gốc: 0 đồng, dư nợ lãi: 1.651.003.589 đồng. Hợp đồng tín dụng trung hạn số 877/2010/HĐTD ngày 22-7-2010, số khế ước nhận nợ: 15082000079163, số tiền cho vay: 24.000.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân: 22.396.200.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân, số tiền gốc đã trả nợ: 6.006.539.667 đồng, số tiền lãi đã trả: 6.643.763.661 đồng, dư nợ gốc: 16.389.660.333 đồng, dư nợ lãi: 6.779.682.798 đồng. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1201/2010/HĐTD ngày 17-9-2010, số khế ước nhận nợ: 15082000082019, số tiền cho vay: 20.000.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân: 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân, số tiền gốc đã trả nợ: 5.780.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả: 1.950.000.000 đồng, dư nợ gốc: 14.220.000.000 đồng, dư nợ lãi: 7.703.050.222 đồng. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 150/2011/1441 ngày 24-11-2011 với số tiền cho vay: 55.000.000.000 đồng; số tiền đã giải ngân khế ước 15082000102078: 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày giải ngân, số tiền gốc đã trả nợ: 1.808.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả: 0 đồng, dư nợ gốc: 28.192.000.000 đồng, dư nợ lãi: 11.558.916.667 đồng; số tiền đã giải ngân khế ước 15082000114985: 25.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày giải ngân, số tiền gốc đã trả nợ: 10.385.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả: 0 đồng, dư nợ gốc: 14.614.500.000 đồng, dư nợ lãi: 6.046.308.999 đồng. Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 877/2010/PLHĐTD ngày 25-4-2012, số khế ước nhận nợ: 15082000108906, số tiền cho vay: 1.300.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân: 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày giải ngân đến 30-6-2020, số tiền gốc đã trả nợ: 1.300.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả: 0 đồng, dư nợ gốc: 0 đồng, dư nợ lãi: 394.684.721 đồng. Công ty TK thừa nhận dư nợ gốc, dư nợ lãi, tiếp tục thanh toán 150.000.000 đồng vào năm 2021, nhưng vẫn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tín dụng. Trường hợp Công ty TK không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, thì Ngân hàng DN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng DN gồm quyền sử dụng 02 thửa đất và tài sản hình thành, gắn liền với đất của bà AC và 47 phương tiện giao thông cơ giới. Trong vụ án này, Ngân hàng DN chưa bán nợ cho Công ty VAMC hoặc tổ chức tín dụng nào khác đối với hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng DN tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp đối với 37 phương tiện giao thông cơ giới. Yêu cầu Công ty TK phải thanh toán cho Ngân hàng DN tổng số tiền nợ tính đến thời điểm phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 09-7-2021 là 203.572.614.011 đồng; trong đó: Dư nợ gốc là 78.992.946.917 đồng, dư nợ lãi trong hạn là 123.085.452.737 đồng, dư nợ lãi quá hạn là 1.494.214.357 đồng. Công ty TK không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng DN có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mãi theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 17-5-2010, Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 07-10-2010, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 520/2010/HĐTC ngày 25-5-2010, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 877/2010/HĐTC ngày 22/07/2010, Phụ lục PL 02-877 ngày 01-01-2012, đó là:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành, gắn liền trên đất của bà AC đối với thửa đất số 834 (1), tờ bản đồ số 03, diện tích 310m², địa chỉ: Thôn AD (nay là thôn 12) xã AE, huyện AF, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 440193, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH/00170 cấp ngày 19-3-2010 do Ủy ban nhân dân huyện AF, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19-3-2010.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành, gắn liền trên đất của bà AC đối với thửa đất số 150A, tờ bản đồ số 01, diện tích 270 m², địa chỉ: Thôn AG, xã AH, huyện AF, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 626369 do Ủy ban nhân dân huyện AF, thành phố Hải Phòng cấp ngày 25-6-2010, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH/00076 cấp ngày 25-6-2010.

3. Xe đầu kéo Frieight Liner của Công ty TK, biển kiểm soát: 16M-7167, số khung: 6CK85LN96362, số máy: 6E06R0773693;

4. Xe Hyundai của Công ty TK, biển kiểm soát: 15A-037.11, số khung: KMHBT51GAA U997474, số máy G4HGA763200;

5. Xe Hyundai Getz của Công ty TK, biển kiểm soát: 16N-6413, đăng ký xe số 008887, số khung KMHBT51GAAU997835, số máy G4HGA763770;

6. Xe Hyundai Getz của Công ty TK, biển kiểm soát: 16N-6495, đăng ký xe số 008880, số khung KMHBT51GAAU997834, số máy G4HGA763768;

7. Xe Hyundai Getz của Công ty TK, biển kiểm soát: 16N-5712, đăng ký xe số 007979, số khung KMHBT51GAAU997433, số máy G4HGA763196;

8. Xe Hyundai Sonata của Công ty TK, biển kiểm soát: 16N-6311, đăng ký xe số 008865, số khung KMHEB41BAAA133766, số máy G4KDAA401526;

9. Xe Hyundai Sonata của Công ty TK, biển kiểm soát: 16N-6490, đăng ký xe số 008867, số khung KMHEB41BAAA127432, số máy G4KDAA390233;

10. Xe Toyota Innova của Công ty TK, biển kiểm soát: 16N-6471, đăng ký xe số 008869, số khung RL4XW43G5A9266397, số máy 1TR6957167;

11. Xe Toyota Innova của Công ty TK, biển kiểm soát: 16N-6411, đăng ký xe số 008894, số khung RL4XW43G5A9266402, số máy 1TR6957467;

12. Xe Toyota Innova của Công ty TK, biển kiểm soát: 16N-6414, đăng ký xe số 008895, số khung RL4XW43G7A9266398, số máy 1TR6957076.

- Theo các lời khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần TK, của bà AC- Chủ tịch Hội đồng quản trị, của ông S - giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị là ông Y và ông AF- thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần TK thống nhất trình bày:

Thừa nhận Công ty TK tự nguyện ký kết, được giải ngân, thanh toán nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, dư nợ gốc, dư nợ lãi, trách nhiệm thanh toán theo trình bày của nguyên đơn theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ gồm: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 150/2009/ 1017 ngày 31-7-2009, Khế ước nhận nợ số 15082000063333; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1228/2009/ HĐTD ngày 25-9-2009, Khế ước nhận nợ số 15082000065357; Hợp đồng tín dụng trung hạn số 520/2010/HĐTD ngày 25-5- 2010, Khế ước nhận nợ số 150820000 76146; Hợp đồng tín dụng trung hạn số 877/2010/HĐTD ngày 22-7-2010, Khế ước nhận nợ số 15082000079163; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1201/2010/ HĐTD ngày 17-9-2010, Khế ước nhận nợ số 15082000082019; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 150/2011/1441 ngày 24-11-2011, Khế ước nhận nợ số 15082000 102078 ngày 30-11-2011; Khế ước nhận nợ số 15082000114985 ngày 31-8-2012; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 877/2010/PLHĐTD ngày 25-4-2012, Khế ước nhận nợ số 15082000108906. Thừa nhận tính đến thời điểm phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 09-7-2021, Công ty TK phải thanh toán cho Ngân hàng DN tổng số tiền nợ là 203.572.614.011 đồng; trong đó: Dư nợ gốc là 78.992946917 đồng, dư nợ lãi trong hạn là 123.085.452.737 đồng, dư nợ lãi quá hạn là 1.494.214.357 đồng. Thừa nhận Công ty TK ký kết hợp đồng thế chấp tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm liên quan các phương tiện giao thông cơ giới là tự nguyện, hợp pháp. Giữ nguyên ý kiến theo văn bản cam đoan của Công ty TK và bà AC, ông S, ông AF đều thống nhất: Không đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với 10 phương tiện giao thông cơ giới theo yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp nêu trên với lý do các phương tiện này hiện đang hoạt động liên tục, ở xa. Công ty TK, bà AC, ông S, ông AF đều cam đoan 10 phương tiện giao thông cơ giới này đến nay vẫn thuộc sở hữu, quản lý, điều hành của Công ty TK, chưa chuyển nhượng hoặc chưa bị cầm giữ do bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Đồng ý Ngân hàng DN có quyền xử lý, phát mại đối với 10 phương tiện giao thông cơ giới nêu trên khi Công ty TK cùng những người quản lý doanh nghiệp chủ động bàn giao hoặc khi Ngân hàng DN trực tiếp thu giữ, cầm giữ, phát hiện, tìm được đối với 10 phương tiện giao thông cơ giới này.

Theo Đơn đề nghị các ngày 09-6-2021, ngày 16-6-2021 và tại phiên tòa,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà AC ủy quyền ông Y trình bày như sau:

Thừa nhận trình bày, yêu cầu của nguyên đơn về việc các bên ký kết, công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 17-5-2010, Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 07-10-2010, đăng ký giao dịch bảo đảm là tự nguyện, hợp pháp. Thừa nhận quyền sử dụng, quản lý của cá nhân bà AC đối với: Quyền sử dụng thửa đất số 834 (1), tờ bản đồ số 03, diện tích 310m², địa chỉ: Thôn AD (nay là thôn 12) xã AE, huyện AF, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 440193, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH/00170 cấp ngày 19-3-2010 do Ủy ban nhân dân huyện AF, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19-3-2010; quyền sử dụng thửa đất số 150A, tờ bản đồ số 01, diện tích 270 m², địa chỉ: Thôn AG, xã AH, huyện AF, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 626369 do Ủy ban nhân dân huyện AF, thành phố Hải Phòng cấp ngày 25-6-2010, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH/00076 cấp ngày 25-6-2010. Thừa nhận kết quả đo đạc, sơ đồ hiện trạng thửa đất, nội dung các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11-5-2020. Đến nay, các thửa đất này không có công trình, vật kiến trúc gì trên đất, không có tranh chấp, chuyển nhượng, vẫn thuộc quyền cá nhân của bà AC quản lý, sử dụng và không liên quan quyền lợi bất kỳ ai khác, kể cả ông CA, cháu CD. Bà Hằng chấp thuận tự nguyện bàn giao cho Ngân hàng DN xử lý phát mại hoặc Ngân hàng DN có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại quyền sử dụng đất và tài sản hình thành, gắn liền trên 02 thửa đất của bà AC để giảm trừ nghĩa vụ cho Công ty TK.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải AI ủy quyền cho ông Y trình bày:

Ngân hàng DN rút một phần yêu cầu khởi kiện có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Công ty AI, nên Công ty AI không còn liên quan vụ án này, không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì.

Theo Văn bản số 109/CV-NQH ngày 25-8-2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng AM trình bày:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2953 ngày 29-12-2009, các Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1804 ngày 07-10-2010, số công chứng 3065 ngày 17-5-2010 đều là quyền sử dụng đất và tài sản hình thành, gắn liền với đất, đều bảo đảm giữa các bên Ngân hàng DN, bà AC đều tự nguyện ký kết, điếm chỉ, đúng quy định Luật Công chứng.

Tại các lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông BW, ông BP, ông BS đều đề nghị: Vụ án được giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty TNHH Thương mại và Vận tải AP, ông CA, anh CD, ông AT, bà AX, ông BA, ông BE, ông BG, ông BJ, ông BM đều không trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, trong đó về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định tư cách đương sự; về nhận đơn khởi kiện, thụ lý, ra thông báo việc thụ lý vụ án; việc tiếp nhận, yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng; việc tổ chức hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cơ bản thực hiện theo các điều 70, 71, 72, 73, 76 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đều hợp pháp. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ, bị đơn nhận tiền vay, sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng DN về việc: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản thế chấp 37 phương tiện giao thông cơ giới. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Công ty TK phải thanh toán cho Ngân hàng DN tổng số tiền nợ tính đến ngày 09-7-2021 là 203.572.614.011 đồng; trong đó: Dư nợ gốc là 78.992.946.917 đồng, dư nợ lãi trong hạn là 123.085.452.737 đồng, dư nợ lãi quá hạn là 1.494.214.357 đồng. Chấp nhận quyền của Ngân hàng DN yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mãi 10 phương tiện giao thông cơ giới của Công ty TK và 02 tài sản bảo đảm thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà AC. Về án phí: Công ty TK phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, trả lại Ngân hàng DN tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng DN khởi kiện tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản đối với bị đơn Công ty TK đăng ký địa chỉ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại: Số 142 phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông BW, ông BP, ông BS đều có văn bản đề nghị được xét xử vắng mặt. Những người tham gia tố tụng khác đều được triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản bảo đảm đối với 37 phương tiện giao thông cơ giới theo các hợp đồng thế chấp tài sản gồm: Hợp đồng thế chấp tài sản số 596/HĐTC/01 ngày 22-5-2009 giữa Công ty AI và Ngân hàng DN, Hợp đồng thế chấp tài sản số 596/HĐTC/02 ngày 22-5-2009 giữa bà AC và Ngân hàng DN, Hợp đồng thế chấp tài sản số 1207-NHV/HĐTC/02 ngày 21-9-2009 giữa ông BW và Ngân hàng DN, Hợp đồng thế chấp tài sản số 1228/HĐTC ngày 25-9-2009 giữa Công ty TK và Ngân hàng DN, Hợp đồng thế chấp tài sản số 1201.02/2010/HĐTC ngày 17-9-2010 giữa Công ty TK và Ngân hàng DN, đều là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Ngân hàng DN có thể khởi kiện lại về quyền xử lý phát mại 37 phương tiện giao thông cơ giới theo các hợp đồng thế chấp tài sản này trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[4] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty AI, Công ty AP, ông BW, ông AT, bà AX; ông BA, ông BE, ông BG, ông BJ, ông BM, ông BP, ông BS đều liên quan việc xem xét, xử lý phát mại tài sản thế chấp gồm 37 phương tiện giao thông cơ giới do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện. Bên vay, bên thế chấp, bên nhận thế chấp và các đương sự này đã được thông báo, biết về việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này, nhưng không ý kiến gì, nên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này không còn liên quan gì đến vụ án. Trường hợp các đương sự có tranh chấp liên quan các phương tiện giao thông cơ giới mà nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện trong vụ án này, thì có thể khởi kiện tranh chấp trong vụ án khác.

Về nội dung:

[5] Trên cơ sở ý kiến của Ngân hàng DN, Công ty TK, bà AC, ông S, ông AF đều thống nhất thừa nhận Công ty TK phải thanh toán theo cam kết trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ gồm: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 150/2009/1017 ngày 31-7-2009, Khế ước nhận nợ số 15082000063333; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1228/2009/HĐTD ngày 25-9-2009, Khế ước nhận nợ số 15082000065357; Hợp đồng tín dụng trung hạn số 520/2010/HĐTD ngày 25-5-2010, Khế ước nhận nợ số 15082000076146; Hợp đồng tín dụng trung hạn số 877/2010/HĐTD ngày 22-7-2010, Khế ước nhận nợ số 15082000079163; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1201/2010/HĐTD ngày 17-9-2010, Khế ước nhận nợ số 15082000082019; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 150/2011/1441 ngày 24-11-2011, Khế ước nhận nợ số 15082000102078 ngày 30-11-2011; Khế ước nhận nợ số 15082000114985 ngày 31-8-2012; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 877/2010/PLHĐTD ngày 25-4-2012, Khế ước nhận nợ số 15082000108906. Tòa án giải thích các quy định pháp luật có liên quan, nhưng đương sự có mặt tại phiên tòa đều cam kết thỏa thuận Công ty TK thanh toán cho Ngân hàng DN theo bản án có hiệu lực pháp luật và các hợp đồng tín dụng. Căn cứ các điều 5, 24, 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 2, 3 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần chấp nhận quan điểm của Viện Kiểm sát và thống nhất thỏa thuận tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội của các đương sự về việc

Công ty TK phải thanh toán cho Ngân hàng DN tổng số tiền nợ tính đến ngày 09-7-2021 là 203.572.614.011 đồng (trong đó: Dư nợ gốc là 78.992.946.917 đồng, dư nợ lãi trong hạn là 123.085.452.737 đồng, dư nợ lãi quá hạn là 1.494.214.357 đồng). Trường hợp chưa xác định sự liên quan cụ thể, chưa có yêu cầu về trách nhiệm giữa những người quản lý của doanh nghiệp, thì sau này nếu Công ty TK có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác. Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về dư nợ mà các bên thỏa thuận về việc trả lãi, thì kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2021 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TK còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

[6] Trên cơ sở ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bà AC, bản án về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà AC, ông CA, các tài liệu, chứng cứ do Văn phòng Đăng ký đất đai huyện AF, thành phố Hải Phòng và Văn phòng AM cung cấp, các biên bản xác minh, sổ hộ khẩu, các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11-5-2020; không có ý kiến phản đối của đương sự khác, nên đủ cơ sở xác định nguồn gốc hình thành, quyền sử dụng đất thuộc cá nhân bà AC nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đăng ký biến động chủ sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, bà AC có quyền sử dụng đất đối với: Thửa đất số 834 (1), tờ bản đồ số 03, diện tích 310m², địa chỉ: Thôn AD (nay là thôn 12) xã AE, huyện AF, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 440193, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH/00170 cấp ngày 19-3-2010 do Ủy ban nhân dân huyện AF, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 3 năm 2010; Thửa đất số 150A, tờ bản đồ số 01, diện tích 270 m², địa chỉ: Thôn AG, xã AH, huyện AF, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 626369 do Ủy ban nhân dân huyện AF, thành phố Hải Phòng cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH/00076 cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010. Căn cứ trình bày của bà AC, Ngân hàng DN và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ thời điểm giao kết hợp đồng thế chấp tài sản vào năm 2010 đến thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11-5-2020 và đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, 02 thửa đất này vẫn thuộc quyền sử dụng, quản lý của cá nhân bà AC, không có chuyển nhượng, tranh chấp, không có công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất, bảo đảm diện tích, ranh giới, mốc giới theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[7] 10 phương tiện giao thông cơ giới liên quan yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng DN về việc xử lý phát mại tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của Công ty TK. Trên cơ sở ý kiến của Ngân hàng DN, cam đoan của đương sự có mặt, nên Công ty TK, bà AC, ông S, ông AF phải chịu trách nhiệm về cam đoan không đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với 10 phương tiện giao thông cơ giới do đang hoạt động liên tục, ở xa, nhưng vẫn thuộc

sở hữu, quản lý, điều hành của Công ty TK, chưa chuyển nhượng hoặc do ai khác cầm giữ.

[8] Bên nhận thế chấp, bên thế chấp đều thừa nhận tự nguyện giao kết công chứng hợp đồng thế chấp tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm, phù hợp các điều 35, 36, 39, 41, 43, 44, 45, 47 của Luật Công chứng năm 2006; khoản 1, 2 Điều 3, Điều 9, điểm c, d Điều 10, Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 2 Điều 59 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ; điểm a Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 12, điểm e khoản 1 Điều 13, Điều 29 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; điểm a khoản 1 Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, điểm e khoản 1 Điều 21, Điều 39 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 92, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc các bên thế chấp gồm: Công ty TK, bà AC phải thực hiện nghĩa vụ, cam kết theo quyền xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng DN đối với 02 bất động sản của bà AC và 10 phương tiện giao thông cơ giới của Công ty TK.

[9] Trên cơ sở ý kiến thừa nhận của bên nhận thế chấp, bên thế chấp về việc tự nguyện ký kết, đăng ký giao dịch bảo đảm đối với Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 17-5-2010, Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 07-10-2010; sự thống nhất về việc xử lý tài sản thế chấp của bà AC và không có ý kiến phản đối của Văn phòng AM, ông CA, anh CD và các đương sự khác. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Trường hợp Công ty TK không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng DN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản hình thành, gắn liền trên 02 thửa đất của bà AC theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 440193 do Ủy ban nhân dân huyện AF, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19-3-2010 và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 626369 do Ủy ban nhân dân huyện AF, thành phố Hải Phòng cấp ngày 25-6-2010. Bởi vậy, Văn phòng AM, ông CA, anh CD không có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án.

[10] Cần chấp nhận thống nhất thỏa thuận của đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát về việc: Trường hợp Công ty TK không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng DN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng DN khi Công ty TK và người quản lý doanh nghiệp chủ động bàn giao hoặc khi Ngân hàng DN trực tiếp cầm giữ, phát hiện, tìm được đối với 10 phương tiện giao thông cơ giới đó là: Xe đầu kéo Frieight Liner, biển kiểm soát: 16M-7167, số khung: 6CK85LN96362, số máy: 6E06R0773693; Xe Hyundai BKS 15A-037.11, số khung: KMHBT51GAAU 997474, số máy G4HGA763200; Xe Hyundai Getz, biển kiểm soát: 16N-6413, đăng ký xe số

008887, số khung KMHBT51GAAU997835, số máy G4HGA 763770; Xe Hyundai Getz, biển kiểm soát: 16N-6495, đăng ký xe số 008880, số khung KMHBT51GAAU997834, số máy G4HGA763768; Xe Hyundai Getz, biển kiểm soát: 16N-5712, đăng ký xe số 007979, số khung KMHBT51GAAU 997433, số máy G4HGA763196; Xe Hyundai Sonata, biển kiểm soát: 16N-6311, đăng ký xe số 008865, số khung KMHEB41BAAA133766, số máy G4KDAA 401526; Xe Hyundai Sonata, biển kiểm soát: 16N-6490, đăng ký xe số 008867, số khung KMHEB41BAAA127432, số máy G4KDAA390233; Xe Toyota Innova, biển kiểm soát: 16N-6471, đăng ký xe số 008869, số khung RL4XW43 G5A9266397, số máy 1TR6957167; Xe Toyota Innova, biển kiểm soát: 16N-6411, đăng ký xe số 008894, số khung RL4XW43G5A9266402, số máy 1TR6957467; Xe Toyota Innova, biển kiểm soát: 16N-6414, đăng ký xe số 008895, số khung RL4XW43G7A9266398, số máy 1TR6957076.

[11] Về án phí, chi phí tố tụng: Theo khoản 2, 8 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì cần trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Bị đơn phải chịu số tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 311.572.614 đồng. Đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét về chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các điều 5, 24, 227, 228, 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 122, 217, 219, 342, 323, 389, 410, 405, 423, 715, 721, khoản 2 Điều 138, khoản 2 Điều 222, khoản 2 Điều 223, khoản 3 Điều 402, Điều 348 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 2, 3, 288, 289, 317, 318, 325, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 35, 36, 39, 41, 43, 44, 45, 47 của Luật Công chứng năm 2006;

Căn cứ khoản 24 Điều 4, các điều 46, 49, 50, 60, 67, 111, 153, 156, 162, 165, 207, 212 của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3, Điều 9, điểm c, d Điều 10, Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 2 Điều 59 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ vào điểm a Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 12, điểm e khoản 1 Điều 13, Điều 29 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; điểm a khoản 1 Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều

8, điểm e khoản 1 Điều 21, Điều 39 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ vào các điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 34 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các điều 11, 13 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ vào các điều 7, 8, 10 và 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2, 8 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần DN.

Công ty Cổ phần TK phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần DN tổng số tiền nợ tính đến ngày 09 tháng 7 năm 2021 là 203.572.614.011 (Hai trăm linh ba tỉ, năm trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, không trăm mười một) đồng. Trong đó: Dư nợ gốc là 78.992.946.917 (Bảy mươi tám tỉ, chín trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm mười bảy) đồng, dư nợ lãi trong hạn là 123.085.452.737 (Một trăm hai mươi ba tỉ, không trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi bảy) đồng, dư nợ lãi quá hạn là 1.494.214.357 (Một tỉ, bốn trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm mười bốn nghìn, ba trăm năm mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2021 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần TK còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ gồm: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 150/2009/ 1017 ngày 31 tháng 7 năm 2009, Khế ước nhận nợ số 15082000063333; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1228/2009/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2009, Khế ước nhận nợ số 15082000065357; Hợp đồng tín dụng trung hạn số 520/2010/ HĐTD ngày 25 tháng 5 năm 2010, Khế ước nhận nợ số 15082000076146; Hợp đồng tín dụng trung hạn số 877/2010/HĐTD ngày 22 tháng 7 năm 2010, Khế ước nhận nợ số 150820000 79163; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1201/2010/HĐTD ngày 17 tháng 9 năm 2010, Khế ước nhận nợ số 15082000082019; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 150/2011/1441 ngày 24 tháng 11 năm 2011, Khế ước nhận nợ số 15082000102078 ngày 30 tháng 11 năm 2011; Khế ước nhận nợ số 1508200011 4985 ngày 31 tháng 8 năm 2012; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 877/2010/PLHĐTD ngày 25 tháng 4 năm 2012, Khế ước nhận nợ số 15082000108906.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay, thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy

phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Công ty Cổ phần TK không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần DN có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại những tài sản bảo đảm dưới đây để thu hồi nợ đó là:

Quyền sử dụng đất của bà AC và tài sản hình thành, gắn liền trên thửa đất số 834 (1), tờ bản đồ số 03, diện tích 310m², địa chỉ: Thôn AD (nay là thôn 12) xã AE, huyện AF, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 440193, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH/00170 cấp ngày 19-3-2010 do Ủy ban nhân dân huyện AF, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 3 năm 2010 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 17 tháng 5 năm 2010;

Quyền sử dụng đất của bà AC và tài sản hình thành, gắn liền trên thửa đất số 150A, tờ bản đồ số 01, diện tích 270 m², địa chỉ: Thôn AG, xã AH, huyện AF, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 626369 do Ủy ban nhân dân huyện AF, thành phố Hải Phòng cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH/00076 cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 07 tháng 10 năm 2010;

Xử lý, phát mại tài sản thế chấp là 10 phương tiện giao thông cơ giới dưới đây trong trường hợp Công ty Cổ phần TK hoặc những người quản lý công ty gồm: Bà AC, ông S, ông AF chủ động bàn giao hoặc khi Ngân hàng Thương mại Cổ phần DN trực tiếp cầm giữ hoặc phát hiện, tìm được 10 phương tiện giao thông cơ giới là:

Xe đầu kéo Frieight Liner, biển kiểm soát: 16M-7167, số khung: 6CK85LN96362, số máy: 6E06R0773693;

Xe Hyundai, biển kiểm soát: 15A-037.11, số khung: KMHBT51GAAU997474, số máy G4HGA763200;

Xe Hyundai Getz, biển kiểm soát: 16N-6413, đăng ký xe số 008887, số khung KMHBT51GAAU997835, số máy G4HGA763770;

Xe Hyundai Getz, biển kiểm soát: 16N-6495, đăng ký xe số 008880, số khung KMHBT51GAAU997834, số máy G4HGA763768;

Xe Hyundai Getz, biển kiểm soát: 16N-5712, đăng ký xe số 007979, số khung KMHBT51GAAU997433, số máy G4HGA763196;

Xe Hyundai Sonata, biển kiểm soát: 16N-6311, đăng ký xe số 008865, số khung KMHEB41BAAA133766, số máy G4KDAA401526;

Xe Hyundai Sonata, biển kiểm soát: 16N-6490, đăng ký xe số 008867, số khung KMHEB41BAAA127432, số máy G4KDAA390233;

Xe Toyota Innova, biển kiểm soát: 16N-6471, đăng ký xe số 008869, số khung RL4XW43G5A9266397, số máy 1TR6957167;

Xe Toyota Innova, biển kiểm soát: 16N-6411, đăng ký xe số 008894, số khung RL4XW43G5A9266402, số máy 1TR6957467;

Xe Toyota Innova, biển kiểm soát: 16N-6414, đăng ký xe số 008895, số khung RL4XW43G7A9266398, số máy 1TR6957076.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp là các phương tiện giao thông cơ giới gồm:

Xe ô tô Audi Q7, đăng ký xe ô tô số 007774 cấp ngày 12/06/2008, BKS: 16M - 1321, số khung WA1BV74L18D033255, số máy BAR031572;

Xe ô tô Toyota Siena, đăng ký xe số 0015246 cấp ngày 28/11/2005, BKS: 16L - 9009, số khung 5TDZA22C65S242593, số máy 4359157;

Xe ô tô đầu kéo BKS: 16M - 7830 theo Đăng ký xe ô tô số 016984 cấp ngày 11/08/2009, đã chuyển biển số BKS: 15C - 04819;

Xe ô tô LEXUS LS460L màu đen, sản xuất năm 2007 tại Nhật Bản, số khung: JTHGL46F285022765, số máy: 1UR0085192;

Xe ô tô LEXUS LS460L màu đen, sản xuất năm 2006 tại Nhật Bản, số khung: JTHGL46F375003804, số máy: 1UR0016756;

Xe ô tô BENTLEY Continental Flying Spur, màu đen, sản xuất năm 2005 tại Anh, số khung: SCCBBR53W96C34184, số máy: BEB016218;

Rơ moóc Mینگ Wei BKS: 16R – 4318, nay đổi thành BKS: 15R - 083.00;

Xe đầu kéo Volvo BKS: 16M – 3828;

Xe đầu kéo Volvo BKS: 16M – 3729;

Xe đầu kéo Internatio BKS: 16L – 1539;

Xe đầu kéo Internatio BKS: 16L – 1236;

Xe đầu kéo Internatio BKS: 16H – 6686;

Xe đầu kéo Internatio BKS: 16H – 3490;

Xe đầu kéo Hyundai BKS: 16K – 7499;

Xe đầu kéo Internatio BKS: 16H - 6118;

Xe đầu kéo Frieght Liner BKS: 16M - 7167;

Xe Hyundai Getz BKS: 16N - 6474, đăng ký xe số 008884, số khung KMHBT51GAAU997417, số máy G4HGA766327;

Xe Hyundai Getz BKS: 16N - 6480, đăng ký xe số 008886, số khung KMHBT51GAAU997832, số máy G4HGA763218;

Xe Hyundai Getz BKS: 16N - 6456, đăng ký xe số 008883, số khung KMHBT51GAAU995990, số máy G4HGA761984;

Xe Hyundai Getz BKS: 16N - 6484, đăng ký xe số 008897, số khung KMHBT51GAAU997061, số máy G4HGA763164;

Xe Hyundai Getz BKS: 16N - 6493, đăng ký xe số 008892, số khung KMHBT51GAAU997067, số máy G4HGA763180;

Xe Hyundai Getz BKS: 16N - 5711, đăng ký xe số 007978, số khung KMHBT51GAAU997089, số máy G4HGA763182;

Xe Hyundai Getz BKS: 16N - 5714, đăng ký xe số 007971, số khung KMHBT51GAAU997445, số máy G4HGA763184;

Xe Hyundai Getz BKS: 16N - 5707, đăng ký xe số 007977, số khung KMHBT51GAAU997447, số máy G4HGA763201;

Xe Hyundai Sonata BKS: 16N - 6313, đăng ký xe số 008866, số khung KMHEB41BAAA086319, số máy G4KDAA319447;

Xe Hyundai Sonata BKS: 16N - 6213, đăng ký xe số 008864, số khung KMHEB41BAAA128375, số máy G4KDAA393880;

Xe Hyundai Sonata BKS: 16N - 6497, đăng ký xe số 008868, số khung KMHEB41BAAA127262, số máy G4KDAA390231;

Xe Hyundai Sonata BKS: 16N - 6481, đăng ký xe số 008871, số khung KMHEB41BAAA129126, số máy G4KDAA393879;

Xe Hyundai Sonata BKS: 16N - 6483, đăng ký xe số 008872, số khung KMHEB41BAAA127611, số máy G4KDAA390228;

Xe Hyundai Sonata BKS: 16N - 6485, đăng ký xe số 008873, số khung KMHEB41BAAA135658, số máy G4KDAA403260;

Xe Hyundai Sonata BKS: 16N - 6494, đăng ký xe số 008874, số khung KMHEB41BAAA130675, số máy G4KDAA393885;

Xe Hyundai Sonata BKS: 16N - 6212, đăng ký xe số 008863, số khung KMHEB41BAAA129607, số máy G4KDAA393884;

Xe Toyota Innova BKS: 16N - 6473, đăng ký xe số 008870, số khung RL4XW43GXA9266430, số máy 1TR6962827;

Xe Toyota Innova BKS: 16N - 6454, đăng ký xe số 008896, số khung RL4XW43G6A9266439, số máy 1TR6958262;

Xe ô tô Mercedes BKS: 16M - 8669, đăng ký xe số 018059 cấp ngày 18/09/2009, số khung 86X38A157585, số máy 396830164810;

Xe ô tô Hyundai Getz BKS: 15A - 037.20, đăng ký xe số 018879 cấp ngày 07/10/2010, số khung KMHBT51GAAU997482, số máy G4HGA763204;

Xe ô tô Hyundai Getz BKS: 15A - 037.11, đăng ký xe số 018884 cấp ngày 07/10/2010, số khung KMHBT51GAAU997474, số máy G4HGA763200.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần TK phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh, thương mại là 311.572.614 (Ba trăm mười một triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm mười bốn) đồng.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần DN 106.810.000 (Một trăm linh sáu triệu, tám trăm mười nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 9774 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh